Tuần 27: 27/4/2020 – 01/5/2020 – Tiết 1

**Môn Công nghệ - Lớp 7**

## Bài 34: Nhân giống vật nuôi

**I.- MỤC TIÊU:**

***1) Kiến thức:***

- Biết được thế nào là chọn phối và các phương pháp chọn phối vật nuôi.

- Hiều được khái niệm và phương pháp nhân giống thuần chủng vật nuôi.

***2) Kỹ năng:***

- Rèn kĩ năng quan sát các phương pháp chọn các giống vật nuôi.

- Giúp học sinh hình thành kỹ năng sống tốt với cuộc sống và phương pháp học tập hiệu quả.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức bảo vệ các loài giống vật nuôi.

**II.- NỘI DUNG ÔN TẬP:**

***Phần 1: KIỂM TRA KIẾN THỨC CŨ***

Câu 1: Các em hãy quan sát đoạn phim sau đây và cho biết đây là sự sinh trưởng hay sự phát dục?

CÁC EM VÀO ĐƯỜNG LINK ĐỂ XEM ĐOẠN PHIM

<https://drive.google.com/open?id=1y6zpNnf0RVPy24vjc8go2tkbCX7i9saW>

***Phần 2: BÀI MỚI***

CÁC EM VÀO ĐƯỜNG LINK ĐỂ XEM BÀI GIẢNG

<https://drive.google.com/file/d/1jNUFgWlLBoHz0uDzbHvunpRq4NLXenhj/view?usp=sharing>

### A. Lý thuyết & Nội dung bài học

### *I. Chọn phối*

***1. Thế nào là chọn phối?***

    - Chọn con đực ghép đôi với con cái theo mục đích chăn nuôi gọi là chọn phối.

- Mục đích: Phát huy tác dụng của chọn lọc giống.

***2. Các phương pháp chọn phối***

    - Chọn phối cùng giống.

    Ví dụ: ghép gà trống Lơgo với gà mái Lơgo tạo ra gà con Lơgo

* Chọn phối khác giống.

    Ví dụ: Chọn gà trống giống Rốt với gà mái Ri tạo ra gà lai Rốt-Ri.

### *II. Nhân giống thuần chủng*

***1. Nhân giống thuần chủng là gì?***

   - Là phương pháp nhân giống chọn ghép theo đôi giao phối con đực với con cái của cùng một giống để được đời con cùng giống với bố mẹ.

* Mục đích của nhân giống thuần chủng:
* Tạo ra nhiều cá thể của giống đã có.
* Giữ được và hoàn thiện các đặc tính tốt của giống đó.

***2. Làm thế nào để nhân giống thuần chủng đạt kết quả?***

### (Xem sách giáo khoa)

### B. Câu hỏi trắc nghiệm

**Câu 2:** Phát biểu nào dưới đây là đúng về chọn phối:

A. Chọn phối là ghép đôi con đực với con cái cho sinh sản theo mục đích chăn nuôi.

B. Chọn phối là nhằm phát huy tác dụng của chọn lọc giống.

C. Chất lượng đời sau sẽ đánh giá được chất lượng của đời trước.

D. Chọn phối còn được gọi khác là chọn đôi giao phối.

**Câu 3:** Có mấy phương pháp chọn phối?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**Câu 4:** Giống gà lai Rốt – Ri có đặc điểm:

A. Có sức sản xuất cao.

B. Thịt ngon, dễ nuôi.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

**Câu 5:** Giống lợn Ỉ là giống được chọn phối theo phương pháp nào?

A. Chọn phối cùng giống.

B. Chọn phối khác giống.

C. Chọn phối lai tạp.

D. Tất cả đều sai.

**Câu 6:** Phát biểu nào dưới đây là đúng về nhân giống thuần chủng, trừ:

A. Là phương pháp nhân giống ghép đôi giao phối con đực với con cái của cùng một giống.

B. Là phương pháp nhân giống ghép đôi giao phối con đực với con cái của hai giống khác nhau.

C. Tạo ra được nhiều cá thể của giống đã có.

D. Giữ được và hoàn thiện các đặc tính tốt của giống đã có.

**Câu 7:** Phương pháp nào dưới đây là nhân giống thuần chủng:

A. Gà Lơ go x Gà Ri.

B. Lợn Móng Cái x Lợn Lan đơ rát.

C. Lợn Móng Cái x Lơn Ba Xuyên.

D. Lợn Móng Cái x Lợn Móng Cái.

**Câu 8:** Đặc điểm nào dưới đây là đặc điểm ngoại hình của Gà Ri?

A. Da vàng hoặc vàng trắng.

B. Lông pha tạp từ nâu, vàng nâu, hoa mơ, đỏ tía…

C. Mào dạng đơn.

D. Tất cả đều đúng.

**Câu 9:** Ngoại hình gà sản xuất trứng có đặc điểm:

A. Thể hình dài.

B. Thể hình ngắn.

C. Cả A và B đều đúng.

D. Cả A và B đều sai.

**Câu 10:** Làm thế nào để nhân giống thuần chủng đạt kết quả, trừ:

A. Phải có mục đích rõ ràng.

B. Chọn một số ít cá thể đực, cái cùng giống tham gia.

C. Quản lí giống chặt chẽ, tránh giao phối cận huyết.

D. Nuôi dưỡng tốt đàn vật nuôi.

……………………………………………….

**Tiết 2**

## Bài 35: Thực Hành : Nhận biết và chọn một số giống gà quan sát ngoại hình và đo kích thước các chiều

**I.- MỤC TIÊU:**

***1) Kiến thức:***

- Phân biệt được 1 số giống gà qua quan sát đặc điểm ngoại hình

- Phân biệt được phương pháp chọn gà mái đẻ trứng dựa vào các chiều đo đơn giản

***2) Kỹ năng:***

- Rèn kĩ năng quan sát các đặc điểm bên ngoài của các giống vật nuôi.

- Giúp học sinh hình thành kỹ năng sống tốt với cuộc sống và phương pháp học tập hiệu quả.

***3. Thái độ:***

- Có ý thức bảo vệ các loài giống vật nuôi.

**II.- NỘI DUNG ÔN TẬP:**

***Phần 1: KIỂM TRA KIẾN THỨC CŨ:*** (không có)

***Phần 2: BÀI MỚI***

**\*Ghi chú:** Bài 35 các học sinh không cần ghi bài, chỉ cần xem phần bải giảng của giáo viên

CÁC EM VÀO ĐƯỜNG LINK ĐỂ XEM BÀI GIẢNG

<https://drive.google.com/open?id=1NUq8HLDFGqWly9_7zpVdyCaP3-KduApd>

***DẶN DÒ***

* HS xem bài giảng bài 34, bài 35.
* HS xem sgk bài 34 và kết hợp với nội dung trọng tâm ở trên.
* HS hoàn thành chép bài vào tập và làm tất cả 10 câu hỏi trong PHIỀU TRẢ LỜI.
* **HS chụp hình PHIỀU TRẢ LỜI và nộp cho GVBM (Cô Vân) qua zalo 0974692489 HẠN CHÓT 7 giờ 00 NGÀY THỨ SÁU 01/05/2020**

**PHIỀU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM**

***Họ và tên:………………………..***

***Lớp:…………..***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 |  | | | |
|  | A | B | C | D |
| Câu 2 |  |  |  |  |
| Câu 3 |  |  |  |  |
| Câu 4 |  |  |  |  |
| Câu 5 |  |  |  |  |
| Câu 6 |  |  |  |  |
| Câu 7 |  |  |  |  |
| Câu 8 |  |  |  |  |
| Câu 9 |  |  |  |  |
| Câu 10 |  |  |  |  |

**\* Lưu ý: Nội dung bài học, bài làm của học sinh sẽ được giáo viên chấm điểm ghi nhận lại kết quả học tập và để căn cứ cho điểm kiểm tra thường xuyên: kiểm tra miệng, 15 phút (hệ số 1).**

………………HẾT………………